



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001021407	Ngô Minh	Tâm	08/08/2004	KD10C	16					
2	000002	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	16					
3	000003	0901010076	Lương Hoàng	Anh	26/09/2003	KD9E	16					
4	000004	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	NH10A	16					
5	000005	0901010134	Tổng Đăng	Minh	23/11/2003	NH9A	16					
6	000006	0901010981	Mai Thùy	Vân	30/04/2003	NH9A	16					
7	000007	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	16					
8	000008	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	16					
9	000009	1101030508	Bùi Minh	Chiến	28/10/1997	QT11C	16					
10	000010	1101031162	Phạm Ngọc	Cường	09/07/1985	QT11C	16					
11	000011	1101021458	Nguyễn Sỹ	Đạt	11/06/2004	QT11C	16					
12	000012	1101031266	Đỗ Thế	Đức	29/04/2003	QT11C	16					
13	000013	1101031392	Trần Minh	Đức	17/10/2001	QT11C	16					
14	000014	1101031434	Nguyễn Hữu	Lương	10/08/2000	QT11C	16					
15	000015	1101081351	Lê Thị Thu	Phương	23/02/2001	QT11C	16					
16	000016	1101021457	Đàm Anh	Thu	02/05/2004	QT11C	16					
17	000017	1101021318	Nguyễn Anh	Tú	31/07/1998	QT11C	16					HP
18	000018	1101030740	Nguyễn Thị Phương	Uyên	05/11/2005	QT11C	16					HP
19	000019	1101030464	Nguyễn Thị	Yến	11/02/2005	QT11C	16					
20	000020	1102031431	Trịnh Văn	Hào	03/02/1995	QT11C_VLVH	16					
21	000021	1102031441	Nguyễn Hữu	Lĩnh	03/12/1989	QT11C_VLVH	16					
22	000022	1102031248	Lưu Đình	Tú	10/11/1994	QT11C_VLVH	16					
23	000023	1102031249	Trịnh Hữu	Tú	01/01/1992	QT11C_VLVH	16					
24	000024	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	16					
25	000025	1001030597	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	TC10B	16					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

